ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3226/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố sửa đổi bộ thủ tục hành chính áp dụng tại Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn, công bố niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang tại Tờ trình số: 1963 /TTr-SGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 25 thủ tục hành chính sửa đổi áp dụng tại Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

(phụ lục: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI).

- Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

- Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này hoặc có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên cập nhật để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố những thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ thủ tục hành chính này không quá 10 ngày kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung không sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh An Giang về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp (b/c);
- Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT.

(Qua email)

CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 30.10.2017 14:01:50

Vương Bình Thạnh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
VII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ		
1	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định	6
2	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do thay đổi nội dung	14
3	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do hết hạn Giấy phép	19
4	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị hư hỏng	26
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị mất	31
6	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	36
7	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do thay đổi nội dung	44
8	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hết hạn	49
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt bị hư hỏng	56
10	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe buýt bị mất	61

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
11	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi	66
12	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do thay đổi nội dung	74
13	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do hết hạn giấy phép	79
14	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe Taxi bị hư hỏng	86
15	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi bị mất)	91
16	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	96
17	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do thay đổi nội dung	103
18	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do hết hạn giấy phép	108
19	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị hư hỏng	115
20	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị mất	120
21	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	125
22	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do thay đổi nội dung	132
23	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do hết hạn giấy phép	137
24	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị hư hỏng	144

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
25	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị mất	149

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH AN GIANG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

VII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Phê duyệt phương án kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu;

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải để đối chiếu;

4. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

5. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

6. Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (phụ lục 7)

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (phụ lục 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /..... *……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:
Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:
a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..
c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....
Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

_____

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

2. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do thay đổi nội dung

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3.Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

3. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do hết hạn Giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Phê duyệt phương án kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).
2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó
3. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị hư hỏng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị kinh doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

5. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị mất

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trong thời 30 ngày thực hiện kiểm tra, xác minh trình lãnh đạo sở cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh,

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

6. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Phê duyệt phương án kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu;

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải để đối chiếu;

4. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

5. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

6. Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (phụ lục 7)

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (phụ lục 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là

đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

9. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định như sau: cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

7. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do thay đổi nội dung

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

9. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định như sau: cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

8. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do hết hạn giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

9. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định như sau: cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

9. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt bị hư hỏng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

9. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định như sau: cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

10. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe buýt bị mất

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trong thời 30 ngày thực hiện kiểm tra, xác minh trình lãnh đạo sở cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh,

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ đang mang thai theo lộ trình như sau:

a) Xe ô tô đăng ký khai thác kinh doanh vận tải lần đầu: Thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

b) Xe ô tô đang khai thác: Thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

8. Xe buýt phải có sức chứa từ 17 hành khách trở lên. Vị trí, số chỗ ngồi, chỗ đứng cho hành khách và các quy định kỹ thuật khác đối với xe buýt theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên các tuyến có hành trình bắt buộc phải qua cầu có trọng tải cho phép tham gia giao thông từ 05 tấn trở xuống hoặc trên 50% lộ trình tuyến là đường từ cấp IV trở xuống (hoặc đường bộ đô thị có mặt cắt ngang từ 07 mét trở xuống) được sử dụng xe ô tô có trọng tải thiết kế từ 12 đến dưới 17 hành khách.

9. Xe buýt phải có niên hạn sử dụng theo quy định như sau: cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách; có màu sơn đặc trưng được đăng ký với cơ quan quản lý tuyến, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định cụ thể về màu sơn của xe buýt trên địa bàn.

10. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 20 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 10 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 05 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tên đơn vị KDVT:.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu.	

11. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Phê duyệt phương án kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đối chiếu;

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải để đối chiếu;

4. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

5. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

6. Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (phụ lục 7)

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (phụ lục 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

8. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

9. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

12. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do thay đổi nội dung

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

8. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

9. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

13. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do hết hạn Giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

8. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

9. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

14. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe Taxi bị hư hỏng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

8. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

9. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử;

tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

15. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi bị mất

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trong thời 30 ngày thực hiện kiểm tra, xác minh trình lãnh đạo sở cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh,

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi phải đăng ký và thực hiện tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách.

7. Xe taxi phải có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống (kể cả người lái xe).

8. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 08 năm tại đô thị loại đặc biệt; không quá 12 năm tại các địa phương khác.

9. Trên xe phải gắn đồng hồ tính tiền được cơ quan có thẩm quyền về đo lường kiểm định và kẹp chì.

10. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải đăng ký và thực hiện sơn biểu trưng (logo) không trùng với biểu trưng đã đăng ký của đơn vị kinh doanh vận tải taxi trước đó và số điện thoại giao dịch cho các xe thuộc đơn vị.

11. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có trung tâm điều hành, duy trì hoạt động của trung tâm điều hành với lái xe, đăng ký tần số liên lạc và có thiết bị liên lạc giữa trung tâm với các xe thuộc đơn vị.

12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có số xe tối thiểu là 10 xe; riêng đối với đô thị loại đặc biệt phải có số xe tối thiểu là 50 xe.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

16. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính phải trả phí dịch vụ bưu chính và nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính. Đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải hướng dẫn để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoặc đơn vị bưu chính bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời gian 05 ngày làm việc trình Lãnh đạo Sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Phê duyệt phương án kinh doanh. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp trả hoặc chuyển đơn vị bưu chính trả kết quả giải quyết cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải để đối chiếu

4. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

5. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+Tổ chức

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về

hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

d) Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trược khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau đây:

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

7. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu

kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hóa trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 **năm** 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

17. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô do thay đổi nội dung

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến và gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận.

+ Bước 3: Phòng Quản lý Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3.Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+Tổ chức

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

d) Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trược khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau đây:

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

7. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hóa trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

18. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do hết hạn Giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến và gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị kinh doanh vận tải phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

d) Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trược khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau đây:

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

7. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hóa trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

19. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị hư hỏng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến và gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

d) Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trược khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau đây:

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

7. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hóa trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

20. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị mất

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến và gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trong thời 30 ngày thực hiện kiểm tra, xác minh trình lãnh đạo sở cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh,

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức;

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoạt động kinh doanh vận tải và xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

d) Đối với những loại xe chưa được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trược khi Nghị định số 86/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được thực hiện theo lộ trình sau đây:

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 10 tấn trở lên;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 07 tấn đến dưới 10 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế từ 3,5 tấn đến dưới 07 tấn;

+ Trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa có trọng tải thiết kế dưới 3,5 tấn.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ phải có bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông;

7. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ; đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô vận tải hàng hóa trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng phương tiện tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên; riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

21. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyếnvà gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận.

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

3. Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải.

4. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức.

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

8. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy địnhnhư sau: Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

10. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tên đơn vị KD vận tải:.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

22. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do thay đổi nội dung

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyếnvà gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận.

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy kinh doanh được cấp trước đó

3. Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức.

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

8. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy địnhnhư sau: Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

10. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

23. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do hết hạn giấy phép

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyếnvà gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận.

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đầy đủ, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó

3. Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức.

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Phê duyệt phương án kinh doanh,

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

8. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy địnhnhư sau: Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

10. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:..... /.....	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

24. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị hư hỏng

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: n vị kinh doanh vận tải vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyếnvà gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để n vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận.

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho n vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trình lãnh đạo sở cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức.

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

8. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy địnhnhư sau: Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

10. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

25. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị mất

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến và gửi hồ sơ qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải.

Nếu nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua đường bưu chính thì người thực hiện thủ tục hành chính trả phí dịch vụ bưu chính. Đơn vị dịch vụ bưu chính nhận hồ sơ ghi phiếu hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 2: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:

Hướng dẫn thủ tục, kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả giải quyết; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn để đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện lại hồ sơ;

Chuyển hồ sơ đến phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái trong ngày tiếp nhận

+ Bước 3: Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thẩm định, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi để Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đơn vị bưu chính thông báo cho đơn vị kinh doanh vận tải hoàn thiện hồ sơ.

Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời 30 ngày thực hiện kiểm tra, xác minh trình lãnh đạo sở cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chuyển kết quả giải quyết về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở

+ Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở trực tiếp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính để trả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1. Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1).

2. Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh,

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

+ Cơ quan phối hợp: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tổ chức.

+ Cá nhân

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phụ lục 1 - ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

- Phí, lệ phí: Không

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện phải bảo đảm số lượng, chất lượng phù hợp với hình thức kinh doanh, cụ thể:

a) Khi hoạt động kinh doanh vận tải phải có đủ số lượng phương tiện theo phương án kinh doanh đã được duyệt; phương tiện phải thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

b) Xe ô tô phải bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải gắn thiết bị giám sát hành trình; thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt và hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông.

Thiết bị giám sát hành trình của xe phải bảo đảm tối thiểu các yêu cầu sau đây: lưu giữ và truyền dẫn các thông tin theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe được sử dụng trong quản lý nhà nước về hoạt động vận tải, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải và cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra khi có yêu cầu.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

a) Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

b) Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe phải có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(trừ các trường hợp đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc là bố, mẹ, vợ, chồng hoặc con của chủ hộ kinh doanh);

c) Nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Nhân viên phục vụ trên xe vận tải khách du lịch còn phải được tập huấn về nghiệp vụ du lịch theo quy định của pháp luật liên quan về du lịch.

4. Người điều hành vận tải phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác và có thời gian công tác liên tục tại đơn vị vận tải từ 03 năm trở lên.

5. Nơi đỗ xe: Đơn vị kinh doanh vận tải phải có nơi đỗ xe phù hợp với phương án kinh doanh và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Về tổ chức, quản lý:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện thuộc diện bắt buộc phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe phải trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng và phải theo dõi, xử lý thông tin tiếp nhận từ thiết bị giám sát hành trình của xe;

b) Đơn vị kinh doanh vận tải bố trí đủ số lượng lái xe theo phương án kinh doanh, chịu trách nhiệm tổ chức khám sức khỏe cho lái xe và sử dụng lái xe đủ sức khỏe theo quy định; đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có trọng tải thiết kế từ 30 chỗ ngồi trở lên (bao gồm cả chỗ ngồi, chỗ đứng và giường nằm) phải có nhân viên phục vụ trên xe (trừ xe hợp đồng đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên đi làm, đi học và xe buýt có thiết bị thay thế nhân viên phục vụ);

7. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được vận tải khách du lịch.

8. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng theo quy địnhnhư sau: Xe ô tô có trọng tải được phép chở từ 10 hành khách trở lên phải có niên hạn sử dụng như sau:

a) Cự ly trên 300 ki lô mét: Không quá 15 năm đối với ô tô sản xuất để chở người; từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 không được sử dụng xe ô tô chuyển đổi công năng;

b) Cự ly từ 300 ki lô mét trở xuống: Không quá 20 năm đối với xe ô tô sản xuất để chở người; không quá 17 năm đối với ô tô chuyển đổi công năng trước ngày 01 tháng 01 năm 2002 từ các loại xe khác thành xe ô tô chở khách.

9. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch vận chuyển hành khách trên hành trình có cự ly từ 300 ki lô mét trở lên phải có số lượng xe tối thiểu như sau:

a) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các thành phố trực thuộc Trung ương: Từ 10 xe trở lên;

b) Đối với đơn vị có trụ sở đặt tại các địa phương còn lại: Từ 05 xe trở lên, riêng đơn vị có trụ sở đặt tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ: Từ 03 xe trở lên.

10. Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về du lịch có liên quan.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

+ Nghị định số 86 /2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:……/……	*……, ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu.	**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)*